VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :2711/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/** *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 27/11/2018
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BMP	100	0.39%
2	CII	480	0.86%
3	CTD	110	1.12%
4	CTG	980	1.50%
5	DHG	90	0.51%
6	DPM	410	0.55%
7	FPT	1,210	3.48%
8	GAS	250	1.54%
9	GMD	670	1.28%
10	HPG	3,360	8.11%
11	HSG	660	0.32%
12	KDC	330	0.56%
13	MBB	3,130	4.41%
14	MSN	1,380	7.68%
15	MWG	730	4.21%
16	NVL	840	3.92%
17	PLX	310	1.22%
18	PNJ	360	2.34%
19	REE	450	0.99%
20	ROS	370	0.91%
21	SAB	250	4.04%
22	SBT	780	1.14%
23	SSI	790	1.49%
24	STB	4,520	3.77%
25	VCB	950	3.48%
26	VIC	1,620	11.04%
27	VJC	710	6.11%
28	VNM	1,210	10.10%
29	VPB	4,790	7.02%
30	VRE	2,770	5.81%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,473,441,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,474,890,067
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 1,449,067
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **27/11/2018**	Kỳ này/This period **26/11/2018**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	1	0	1
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	272,100,000	272,200,000	-100,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	14,750	14,710	40
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,014,650,762,182	3,993,469,298,932	21,181,463,250
của một lô ETF/per Creation Unit	1,474,890,067	1,467,108,486	7,781,581
của một chứng chỉ quỹ/per Share	14,748.90	14,671.08	77.82
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	973.32	973.05	0.27

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO